TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 5 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Tiểu M, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Th, xã Tân T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Huỳnh Tấn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp Tân Th, xã Tân T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Chị M và anh H chung sống năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân T. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh H không quan tâm lo lắng cho gia đình, thường vắng nhà, đã ly thân khoản 2 năm nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Quá trình chung sống chị M và anh H có 01 con chung tên Huỳnh Anh, sinh ngày 21/01/2019, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị M và anh H xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Đối với anh Huỳnh Tấn H:* Mặc dù đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng anh H không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Tiểu M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Tấn H đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, T hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị M và anh H chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh H không quan tâm, lo lắng cho gia đình, thường xuyên vắng nhà, đã ly thân khoảng 2 năm nay. Chị M xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh H. Anh H không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Xét yêu cầu của chị M, thấy rằng: chị M yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh H đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M ly hôn với anh H là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về con chung của chị M thấy rằng: Từ khi chị M và anh H ly thân thì cháu Huỳnh Anh sống cùng chị M. Chị M yêu cầu được nuôi con, anh H không có ý kiến về vấn đề này. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cần giao Huỳnh Anh cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị Huỳnh không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ: Chị M xác định không có, anh H không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Tiểu M.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Tiểu M được ly hôn với anh Huỳnh Tấn H.

- Về con chung: Giao Huỳnh Anh, sinh ngày 21/01/2019 cho chị Lê Tiểu M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Huỳnh Anh tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Huỳnh Tấn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Tiểu M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000984 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (chị M đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Tân T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai